

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM-PT.

Ngày: 20/4/2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Ông Nguyễn Việt Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 56/2025/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh bị kháng cáo, **kháng nghị**.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2026/QĐ-PT ngày 09/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 45/2026/QĐ-PT ngày 23/01/2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 55/TB-TA ngày 10/02/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 48/2026/QĐ-PT ngày 06/3/2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 119/TB-TA ngày 31/3/2026 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng N2.

Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H1. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N2 – Chi nhánh tỉnh B. Ông H1 ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị H2 - Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng N2 – Chi nhánh tỉnh B. **Địa chỉ:** Số B L, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần X1.

Địa chỉ: Khu B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là khu B, phường V, tỉnh Bắc Ninh).

Đại diện theo pháp luật thứ nhất: Ông Nguyễn An K - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo pháp luật thứ hai: Ông Nguyễn Mạnh C - Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần X1: Luật sư Nguyễn Mạnh H3, Công ty L3, Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà H, số A, ngõ B, đường K, phường T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

1. Hộ ông Nguyễn Văn P, bà Dương Thị H4 gồm:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

- Bà Dương Thị H4, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

- Bà Ngô Thị B, sinh năm 1936 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Trú tại: Số B đường H, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh).

- Ông Nguyễn Tiến P1, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: S5.010603 V, đường N, phường L, quận I, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là S5.010603 V, đường N, phường L, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh).

Bà H4, bà L, ông P, bà L1, bà A, ông P1, bà Á ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Q. Ông Q vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: T phường H, thành phố B.

Bà Trần Thị H5, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, khu B, phường S, thành phố B. (Nay là phường K, tỉnh Bắc Ninh).

3. Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Trú tại: Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ liên hệ: phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh. Bà C1 ủy quyền cho ông N. Ông N vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đại M, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Bà Trần Thị T, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Trú tại: Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ liên hệ: Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Bà T ủy quyền cho ông M. Ông M vắng mặt.

5. Ông Nguyễn An K, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

HKTT: Phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Xóm T, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Bà L2 ủy quyền cho ông K. Ông K vắng mặt.

6. Công ty Cổ phần P2,

Địa chỉ: Số nhà B đường C, Thị trấn V, Huyện L, Tỉnh Bắc Giang. (Nay là Số nhà B đường C, xã L, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm H6; Chức vụ: Giám đốc; Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hương G. Bà G có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

7. Bà Trần Thị Á1, sinh năm 1969;

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh). Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

* Người kháng cáo: bị đơn Công ty cổ phần X1 do ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Á1, chị Trần Thị H5, ông Nguyễn Xuân N.

* Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS-KDTM ngày 25/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

I. Quá trình cấp tín dụng:

1. Công ty cổ phần X1 có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh tỉnh B, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2600LAV202300176 ngày 20/03/2023

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình.

- Thời hạn cho vay tối đa: Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ; Thời hạn cho vay tối đa 9 tháng.

2. Chi tiết giải ngân và phân kỳ hạn trả nợ như sau:

2. Chi tiết giải ngân và phân kỳ hạn trả nợ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Số GN	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân	Dư nợ
13	2600LDS202301116	27/03/2023	27/12/2023	5.365.500.000	5.365.500.000
2	2600LDS202301128	28/03/2023	28/12/2023	1.388.511.400	1.388.511.400
3	2600LDS202301165	30/03/2023	02/01/2024	4.425.594.000	4.425.594.000
4	2600LDS202301197	31/03/2023	02/01/2024	4.061.933.000	4.061.933.000
5	2600LDS202301208	03/04/2023	03/01/2024	2.563.000.000	2.563.000.000
6	2600LDS202301497	17/04/2023	17/01/2024	2.100.131.000	2.100.131.000
7	2600LDS202301652	26/04/2023	26/01/2024	1.044.519.663	1.044.519.663
8	2600LDS202301709	28/04/2023	28/01/2024	147.472.700	147.472.700
9	2600LDS202301748	05/05/2023	05/02/2024	2.017.037.766	2.017.037.766
10	2600LDS202301798	10/05/2023	10/02/2024	830.150.607	830.150.607
11	2600LDS202302213	02/06/2023	02/03/2024	1.892.345.000	1.892.345.000
12	2600LDS202302482	21/06/2023	21/03/2024	1.101.713.800	1.101.713.800
13	2600LDS202302512	23/06/2023	23/03/2024	1.303.000.000	1.303.000.000
14	2600LDS202302583	28/06/2023	28/03/2024	1.493.000.000	1.493.000.000
15	2600LDS202302710	06/07/2023	06/04/2024	1.100.000.000	1.100.000.000
16	2600LDS202304556	08/11/2023	08/08/2024	1.831.572.000	1.831.572.000
17	2600LDS202304667	15/11/2023	15/08/2024	1.713.764.000	1.713.764.000
	TỔNG			34.379.244.936	34.379.244.936

3. Biện pháp bảo đảm tiền vay : Tài sản bảo đảm cho khoản vay như sau:

3.1. Tài sản thứ nhất:

- Bên bảo đảm: Công ty cổ phần X1

- Tên tài sản: 01 chiếc xe trộn bê tông HOWO và 01 máy xúc lật nhãn hiệu

DTH

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 1.555.000.000 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016576 do phòng C3 – Công an tỉnh B cấp ngày 19/05/2016. Hóa đơn GTGT số 0000102 ngày 18/05/2016.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201600334 ngày 12/05/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2600-LCL-201600334 ngày 17/08/2016 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.2. Tài sản thứ hai:

- Bên bảo đảm: Công ty cổ phần X1

- Tên tài sản: 01 chiếc xe trộn bê tông HOWO

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 1.220.000.000 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018197 do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 17/08/2016

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201600691 ngày 13/09/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2600-LCL-201600691 ngày 30/09/2016 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.3. Tài sản thứ ba:

- Bên bảo đảm: Công ty cổ phần X1

- Tên tài sản: 01 máy đào bánh xích KOMATSU

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 2.000.000.000 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 171X/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 14/04/2014.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201800498 ngày 30/05/2018 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.4. Tài sản thứ tư:

- Bên bảo đảm: Công ty cổ phần X1

- Tên tài sản: 01 trạm trộn bê tông công suất 60 m³/h

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 1.000.000.000 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000328 ngày 15/01/2020; Hợp đồng kinh tế số 0912/2019/HĐKT/HT-TL1 ngày 09/12/2019 giữa công ty cổ phần X1 và công ty TNHH MTV T1.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201900869 ngày 27/12/2019 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2600-LCL201900869 ngày 03/08/2020 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.5. Tài sản thứ năm:

- Bên bảo đảm: Công ty cổ phần X1

- Tên tài sản: 01 máy xúc lật, 01 cầu tháp SCM, 01 cần trục tháp Zoomlion.

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 4.391.818.181 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Máy xúc lật SDLG: Hợp đồng mua bán số HJ-1905015 ngày 06/05/2019 đã ký giữa công ty TNHH H8 và Công ty CP X1; Hóa đơn GTGT số 0002410 ngày 22/05/2019; Cầu tháp SCM – C6024: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 3105/HĐMB/VT-TL/19 ngày 31/05/2019; hóa đơn GTGT số 0000266 ngày 25/06/2019. Cần trục tháp Zoomlion– TC7030B-12: Hợp đồng mua bán tài sản số 77/HĐMB ngày 8/5/2019 ký giữa Công ty CP X1 và Công ty CP X2; Hóa đơn GTGT số 0002345 ngày 24/05/2019.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201900661 ngày 04/10/2019 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.6. Tài sản thứ sáu:

- Bên bảo đảm: Công ty cổ phần X1

- Tên tài sản: Nhà kho, nhà xưởng tại L, Bắc Giang.

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 2.856.230.000 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 052176, sổ vào sổ cấp GCN số CS01781/Q01 vào sổ địa chính trang số: 36, quyển số: 4 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2019.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201900231 ngày 06/05/2019 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.7. Tài sản thứ bảy:

- Bên bảo đảm: Hộ ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị H4

- Tên tài sản: Bất động sản là Quyền sử dụng đất tại Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 5.415.000.000 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL166567, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01473 do UBND huyện Q cấp ngày 05/11/2007.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201800138 ngày 08/02/2018 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.8. Tài sản thứ tám:

- Bên bảo đảm: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 6.322.145.600 đồng.

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH169806, sổ vào sổ cấp GCN: CS06515 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2017 đứng tên ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-202100711 ngày 02/12/2021 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

Địa chỉ: Khu A, Phường V, Thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

3.9. Tài sản thứ chín:

- Bên bảo đảm: Ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất tại Phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 3.717.000.000 đồng

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ361273, số vào sổ cấp GCN: CS03859 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-202100720 ngày 08/12/2021 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.10. Tài sản thứ mười:

- Bên bảo đảm: Ông Nguyễn Đại M và bà Trần Thị T

- Tên tài sản: 01 máy đào bánh xích KOMATSU

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 800,000,000 đồng

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 323X/XCMD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 12/03/2020.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-202000165 ngày 20/03/2020 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.11. Tài sản thứ mười một:

- Bên bảo đảm: Ông Nguyễn Đại M và bà Trần Thị T

- Tên tài sản: 01 máy đào bánh xích KOMATSU

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 900,000,000 đồng

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 325X/XMCD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 31/03/2020.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-202000183 ngày 03/04/2020 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.12. Tài sản thứ mười hai:

- Bên bảo đảm: Ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1

- Tên tài sản: 01 xe ô tô Ford Ranger

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 800,000,000 đồng

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 210516 do Phòng C3 Công an thành phố H cấp ngày 24/06/2016.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-201800497 ngày 30/05/2018 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

3.13. Tài sản thứ mười ba:

- Bên bảo đảm: Ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Giá trị tài sản tại thời điểm nhận tài sản bảo đảm: 18.955.200.000 đồng

- Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC329472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00425 do UBND thành phố B cấp ngày 30/06/2010 cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2.

- Thủ tục bảo đảm tiền vay: Hợp đồng bảo đảm: 2600-LCL-202200276 ngày 08/06/2022 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Phạm vi bảo đảm: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1.

II. Việc vi phạm nghĩa vụ:

- Tính đến hết ngày 05/05/2024 tổng số dư nợ gốc và lãi của Công ty cổ phần X1 (lãi tạm tính do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại A1 Chi nhánh tỉnh B là: 36.397.216.545 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 34.379.244.936đ; Nợ lãi trong hạn: 1.630.020.892đ; Nợ lãi quá hạn: 387.950.717đ

- Lý do vi phạm: Quá hạn trả nợ gốc, lãi

- Thời điểm vi phạm: Từ ngày 27/12/2023 đến nay

A1 Chi nhánh tỉnh B đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty cổ phần X1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa A1 Chi nhánh tỉnh B và Công ty cổ phần X1; yêu cầu bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng bảo đảm tiền vay. Tuy nhiên, tính đến nay, Công ty cổ phần X1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho A1 theo thỏa thuận, liên tiếp vi phạm cam kết làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A1 gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của A1.

III. Yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ các nội dung nêu trên, A1 thông qua A1 Chi nhánh tỉnh B yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Buộc Công ty cổ phần X1 phải thực hiện nghĩa vụ:
 - Công ty cổ phần X1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 05/05/2024 là: 36.397.216.545 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng); Trong đó: Nợ gốc: 34.379.244.936đ; Nợ lãi trong hạn: 1.630.020.892đ; Nợ lãi quá hạn: 387.950.717đ
 - Công ty cổ phần X1 phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/05/2024 cho đến ngày y trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) cho A1.
2. Nếu Công ty cổ phần X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 thông qua A1 Chi nhánh tỉnh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm cấp tín dụng đã ký kết. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý bất kỳ tài sản nào đều được sử dụng để thu hồi nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A1.
3. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A1 thì A1 thông qua A1 Chi nhánh tỉnh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty cổ phần X1 và các nguồn tài chính khác có liên quan để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần X1 trình bày:**

- Về số dư nợ gốc nợ lãi: Công ty cổ phần X1 (sau đây gọi tắt là Công ty) hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của Ngân hàng N2.
- Về tài sản thế chấp:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/4/2024, Công ty thông nhất chủ trương xử lý toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty nhằm tháo gỡ khó khăn tài chính, thanh toán nợ vay ngân hàng, hoàn trả tài sản mượn của bên thứ ba và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ nhất: Về việc xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty đang thế chấp tại A1.

1. Đối với tài sản là xưởng 150 P, tỉnh Bắc Ninh, thuộc quyền sở hữu và quản lý hợp pháp của Công ty, hiện đang phục vụ hoạt động sản xuất.

Trước đây, Công ty đã ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng tài sản với Công ty Cổ phần C4. Tuy nhiên, đến nay hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng và đang hoàn tất hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc.

Trên cơ sở đó, căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 18/7/2025, Công ty đã thống nhất với A1 bàn giao Xưởng 150 Phi Mô để Ngân hàng tổ chức bán đấu giá công khai, với giá khởi điểm dự kiến không thấp hơn 30.000.000.000 đồng.

2. Đối với hệ thống máy móc, thiết bị hiện đang thế chấp tại A1, Công ty đề nghị Ngân hàng sớm thống nhất bằng văn bản về giá trị thanh lý, để Công ty chủ động triển khai thủ tục thanh lý, thu hồi vốn và thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Cam kết thanh toán nghĩa vụ nợ: Tổng dư nợ gốc còn lại tại A1 30.711.683.828 đồng. Với tổng giá trị các tài sản đang thế chấp, Công ty cam kết nếu được phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình xử lý, Công ty có đủ khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ này cho Ngân hàng.

Thứ hai: Về tài sản mượn của bên thứ ba dùng làm bảo đảm

Ngày 03/11/2010, Công ty đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-NK2 về việc mượn tài sản của bên thứ ba để bảo đảm nghĩa vụ tín dụng, kèm theo Quy chế cụ thể. Theo đó: Tài sản mượn không được phát mại nếu Công ty còn khả năng thanh toán nợ;

Trong mọi trường hợp, nếu tài sản bị xử lý, Công ty có nghĩa vụ mua lại hoặc hoàn trả cho bên cho mượn theo giá trị thị trường tại thời điểm phát mại.

Công ty khẳng định sẽ ưu tiên xử lý toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán nghĩa vụ nợ trước khi xem xét đến tài sản mượn. Việc xử lý tài sản mượn chỉ được thực hiện nếu tài sản thuộc sở hữu Công ty không đủ thanh toán khoản nợ và có thỏa thuận cụ thể.

Công ty K1 và A1 không đưa tài sản của bên thứ ba vào phạm vi thi hành nghĩa vụ, trong khi Công ty vẫn còn đủ điều kiện và tài sản để thực hiện nghĩa vụ tài chính. Điều này nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho mượn tài sản.

Công ty K2 đề nghị Tòa án tạm dừng các thủ tục pháp lý liên quan đến tài sản bảo đảm, cho đến khi quá trình thanh lý tài sản đã thống nhất giữa A1 và Công ty được hoàn tất, việc tạm hoãn này sẽ góp phần: (1) Giảm thiểu chi phí pháp lý phát sinh; (2) Tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình xử lý tài sản; (3) Và đảm bảo quyền lợi của tất cả các bên liên quan.

Công ty M1 tiếp tục nhận được sự phối hợp tích cực từ A1 và sự hỗ trợ từ Tòa án, để việc xử lý tài sản bảo đảm được triển khai đúng quy định, hiệu quả và minh bạch, góp phần giúp Công ty H9 thanh toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại với Ngân hàng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Tòa án kết hợp với Viện kiểm sát và các cơ quan chức năng truy tìm tài sản thế chấp là chiếc xe trộn bê tông Howo, Biển kiểm soát 99C-088.16 của Công ty mà Công ty đã ký Hợp đồng sửa chữa với Gara ô tô Mỹ Tân địa chỉ thôn B, xã N, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2022 đến nay nhưng hiện đang không biết ở đâu.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Nguyễn Mạnh C, bà Trần Thị H5 trình bày:

Khi vợ chồng ông bà đã tự nguyện thế chấp toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 80; Tờ bản đồ số: 5; Địa chỉ: Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Diện tích: 87,7 m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH169806, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06515 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5 cho khoản vay của Công ty cổ phần X1 tại Ngân hàng N2, Công ty có cam kết với các gia đình là các hộ cho công ty mượn tài sản để thế chấp tại ngân hàng được nhận lại 2% giá trị tài sản/năm. Tuy nhiên, từ thời điểm cho Công ty cổ phần X1 mượn tài sản để thế chấp thì công ty không trả cho gia đình ông bà bất kỳ khoản tiền nào.

Ông bà xác nhận tài sản này đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty cổ phần X1, nhưng đề nghị Tòa án xem xét phát mại các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 và trả lại tài sản thế chấp cho gia đình.

- Ông Nguyễn Xuân N, bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày:

Ông bà thế chấp các tài sản gồm: là 01 xe ô tô Ford Ranger, Biển kiểm soát 29C-816.96 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 210516 do Phòng C3 Công an thành phố H cấp ngày 24/06/2016 và Quyền sử dụng đất tại Phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ361273, số vào sổ cấp GCN: CS03859 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1 cho Công ty cổ phần X1 vay vốn tại A1.

Đây là các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông N bà C1 tự nguyện thế chấp cho các khoản vay của Công ty cổ phần X1, hiện nay ông bà vẫn đang quản lý, sử dụng.

Ông bà đề nghị Tòa án xem xét phát mại các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 và thành viên hội đồng quản trị để tất toán khoản vay của Công ty và trả lại tài sản thế chấp cho ông bà.

- Ông Nguyễn Đại M, bà Trần Thị T trình bày:

Ông bà tự nguyện thế chấp các tài sản là: Máy đào bánh xích KOMATSU PC 200-6E; biển số 99XA-0323 (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 323X/XCMD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 12/03/2020); và Máy đào bánh xích KOMATSU PC 200-6E; biển số 99XA-0325 (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 325X/XMCD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 31/03/2020) cho Công ty cổ phần X1 vay vốn Ngân hàng N2. Các tài sản này đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1 đối với Ngân hàng N2.

Ông bà đề nghị Tòa án xem xét phát mại các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 và thành viên hội đồng quản trị để tất toán khoản vay của Công ty và trả lại tài sản thế chấp cho ông bà.

- Ông Nguyễn An K, bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Ông bà đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC329472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00425 do UBND thành phố B cấp ngày 30/06/2010 cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2 thế chấp cho Ngân hàng A1 để cho Công ty cổ phần X1 vay vốn.

Đến nay, A1 khởi kiện Công ty cổ phần X1 về việc vi phạm hợp đồng tín dụng và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của A1, nếu Công ty cổ phần X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A1 có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm cấp tín dụng đã ký kết.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bởi vì nghĩa vụ trả nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng là của bên vay - Công ty cổ phần X1. Hiện nay Công ty đã ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/4/2024 về việc cho phép Hội đồng quản trị công ty T2 tài sản của Công ty và sử

dụng các nguồn tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A1, sự việc này được A1 ủng hộ và hiện tại Công ty cổ phần X1 đang tích cực phối hợp với các bên liên quan để thanh lý tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, đến nay Công ty cổ phần X1 vẫn có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên không nhất thiết phải xử lý các tài sản của ông bà để trả nợ thay cho Công ty cổ phần X1.

Vì vậy, ông bà đề nghị A1 xem xét tạo điều kiện cho Công ty cổ phần X1 thanh lý các tài sản của họ để thanh toán các khoản nợ của Ngân hàng trước khi tính toán đến phương án xử lý các tài sản bảo lãnh của ông bà.

- Ông Nguyễn Tiến Q, đại diện cho các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn P, bà Dương Thị H4 trình bày:

Toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 18, diện tích 1083m², tại địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL166567, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01473 do UBND huyện Q cấp ngày 05/11/2007 là của hộ gia đình ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961, bà Dương Thị H4, sinh năm 1966).

Thửa đất này có nguồn gốc từ cha ông tôi để lại, khi cấp sổ thì cấp theo tên hộ, chủ hộ là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961.

Trong các thành viên hộ có bà Ngô Thị B, sinh năm 1936 (đã mất năm 2022). Cụ B có 04 người con gồm có: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Anh. Chồng và bố mẹ của cụ B đã mất từ lâu. Theo quan niệm ở quê thì đất do cha ông để lại cho con trai (tức là ông Nguyễn Văn P) kế thừa.

Về thửa đất gia đình để lại cho ông P, nay đã thế chấp tại ngân hàng, trong hộ gia đình không ai có ý kiến tranh chấp gì.

Các thành viên trong hộ xác định các tài sản của hộ gia đình đã tự nguyện thế chấp cho các khoản vay của Công ty cổ phần X1. Hiện nay gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng, không có tranh chấp gì với các hộ xung quanh liền kề. Gia đình đề nghị Tòa án xem xét phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1, các tài sản của thành viên hội đồng quản trị để tất toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng và trả lại tài sản thế chấp cho gia đình.

- Đại diện Công ty cổ phần P2 trình bày:

Ngày 19/11/2017, Công ty cổ phần P2 (gọi tắt: Công ty P2) có ký hợp đồng hợp tác số 128/HĐHTKD với công ty cổ phần X1, trong đó Công ty cổ phần X1 có đóng góp một phần đất diện tích khoảng 7.500m² tại Xưởng sửa chữa 150, thôn T, xã L, tỉnh Bắc Ninh, đây là phần đất trước đó Công ty cổ phần X1 không sử dụng mà cho công ty B1 thuê. Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (01/01/2018) Công ty cổ phần P2 đã san ủi mặt bằng, xây dựng nhà xưởng và rất nhiều hạng mục (chúng tôi đã gửi chi tiết đến quý tòa) và cũng nhận luôn công nhân của

Xưởng sửa chữa 150 vào làm khi X xưởng sửa chữa 150 không bố trí được công việc cho họ. Công ty cổ phần P2 luôn thực hiện đúng những nội dung trong hợp đồng, trả đủ số tiền giao khoán hàng năm, đóng tiền thuê mặt đất với Nhà nước. Ngoài ra Công ty P2 nhận thấy phần giao cắt với đường sắt có nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông nên đã làm barie và ngày đêm 24/24h có người trực cảnh báo

tàu đi qua, góp phần rất lớn đem lại sự an toàn cho người và xe tham gia giao thông, nhờ đó nên khi T3 có kế hoạch, đường vào Xưởng sửa chữa 150 đã được xây dựng trạm barie tự động.

Công ty cổ phần P2 kiến nghị: Công ty P2 thực sự có nhu cầu sử dụng phần đất này, vì vậy, nếu Công ty cổ phần X1 hoặc đơn vị mua lại không có nhu cầu sử dụng phần đất này nữa thì tạo điều kiện cho Công ty P2 thuê lại phần đất này để Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho công nhân, để đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty. Nếu trong trường hợp Công ty cổ phần X1 bị kê biên phát mại tài sản mà đơn vị khác mua lại không cho thuê thì Công ty cổ phần P2 sẽ tự tháo dỡ các tài sản của mình trên đất để trả lại mặt bằng và không tranh chấp gì.

- Bà Trần Thị Ái trình bày:

Bà được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X1 bổ nhiệm làm Quản đốc Xưởng sửa chữa 150 ngày 30/03/2020. Ngày 01/04/2020 tôi có ký Hợp đồng giao nhận khoán số 010420/HĐGK-NK về việc nhận khoán quản lý, khai thác, sử dụng một phần khu đất của Xưởng sửa chữa 150 thuộc Thôn T, Thị trấn V, Huyện L, Tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn T, Xã L, Tỉnh Bắc Ninh) với Công ty Cổ Phần X1.

Trong thời gian khai thác và sử dụng, bà thấy toàn bộ khu nhà văn phòng tường, trần bị nứt đổ, dột nát, hệ thống điện xuống cấp nghiêm trọng gây mất an toàn cho cán bộ công nhân viên và khách hàng vào làm việc. Phần mặt bằng khác của xưởng bị lồi lõm, thủng vũng, rất khó khăn cho sản xuất và đi lại. Để đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên trong sản xuất, đồng thời đảm bảo cho việc khai thác nhà xưởng mặt bằng có hiệu quả. Vậy nên bà đã làm Văn bản ngày 13 tháng 04 năm 2020 gửi tới Ông Cao Đình C2 và đã được Ông Cao Đình C2 phê duyệt đồng ý cho bà thực hiện sửa chữa, cải tạo, tu bổ lại Xưởng sửa chữa 150 theo các hạng mục nêu trong Văn bản. Sau đó bà đã chủ động đầu tư, sửa chữa, cải tạo mặt bằng nhà xưởng, phá dỡ nhà đổ nát... Với tổng kinh phí là: 1.413.298.794 đồng.

Bà đã nhiều lần gửi văn bản cho ông Cao Đình C2 và các thành viên hội đồng quản trị công ty đề nghị thanh toán cho bà số tiền đầu tư trên, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Vì vậy bà yêu cầu, nếu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Xưởng sửa chữa 150 thì Công ty Cổ Phần X1 phải thanh toán cho bà số kinh phí bà đã chi ra để thực hiện việc sửa chữa, cải tạo, tu bổ Xưởng sửa chữa 150 là: 1.413.298.794 đồng cùng số tiền lãi phát sinh cho chậm trả tính đến thời điểm hiện tại là 774.825.800 đồng; tổng cộng là: 2.188.124.594 đồng.

Từ những nội dung nêu trên, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 195; Điều 198; Điều 204; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng N2 đối với Công ty cổ phần X1.

- Buộc Công ty cổ phần X1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 05/05/2024 là: 36.397.216.545 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 34.379.244.936 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.630.020.892 đồng; Nợ lãi quá hạn: 387.950.717 đồng.

- Công ty cổ phần X1 phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/05/2024 cho đến ngày Công ty trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) cho A1.

- Nếu Công ty cổ phần X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bên bảo đảm để thu hồi nợ; gồm:

* Các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 :

- 01 chiếc xe trộn bê tông HOWO biển kiểm soát 99C – 088.16 và 01 máy xúc lật nhãn hiệu DTH, Model: DD930E; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016576 do phòng C3 – Công an tỉnh B cấp ngày 19/05/2016. Hóa đơn GTGT số 0000102 ngày 18/05/2016.

- 01 chiếc xe trộn bê tông HOWO, biển kiểm soát 99C-095.76; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018197 do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 17/08/2016

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU PC450-7, biển số 99XA-0170 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 171X/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 14/04/2014.

- 01 trạm trộn bê tông JS 1000 và các bộ phận đi kèm; theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000328 ngày 15/01/2020; Hợp đồng kinh tế số 0912/2019/HĐKT/HT-TL1 ngày 09/12/2019 giữa công ty cổ phần X1 và công ty TNHH MTV T1.

- 01 máy xúc lật SDLG, Model: LG 933L; 01 cầu tháp SCM – C6024; 01 cần trục Zoomlion TC703B-12; theo Giấy tờ về tài sản: Máy xúc lật SDLG: Hợp đồng mua bán số HJ-1905015 ngày 06/05/2019 đã ký giữa công ty TNHH H8 và Công ty CP X1; Hóa đơn GTGT số 0002410 ngày 22/05/2019; Cầu tháp SCM – C6024: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 3105/HĐMB/VT-TL/19 ngày 31/05/2019; hóa đơn GTGT số 0000266 ngày 25/06/2019. Cần trục tháp Zoomlion– TC7030B-12: Hợp đồng mua bán tài sản số 77/HĐMB ngày 8/5/2019 ký giữa Công ty CP X1 và Công ty CP X2; Hóa đơn GTGT số 0002345 ngày 24/05/2019.

- Nhà kho, nhà xưởng trên diện tích 15.595m2 tại L, Bắc Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CR 052176, số vào sổ cấp GCN số CS01781/Q01 vào sổ địa chính trang số: 36, quyển số: 4 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2019.

* Tài sản của Hộ ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị H4 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL166567, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01473 do UBND huyện Q cấp ngày 05/11/2007.

* Tài sản của Hộ ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH169806, số vào sổ cấp GCN: CS06515 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2017 đứng tên ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5.

* Tài sản của hộ ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ361273, số vào sổ cấp GCN: CS03859 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1.

- 01 xe ô tô Ford Ranger Biển kiểm soát 29C-816-96; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 210516 do Phòng C3 Công an thành phố H cấp ngày 24/06/2016.

* Tài sản của hộ ông Nguyễn Đại M và bà Trần Thị T:

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dung số 323X/XCMD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 12/03/2020.

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dung số 325X/XMCD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 31/03/2020.

* Tài sản của hộ ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC329472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00425 do UBND thành phố B cấp ngày 30/06/2010 cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý bất kỳ tài sản nào đều được sử dụng để thu hồi nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A1.

4. Sau khi Công ty cổ phần X1 1 thanh toán hết các khoản nợ cho A1 thì A1 phải trả lại các giấy tờ về quyền tài sản mà Ngân hàng đang giữ cho chủ sở hữu.

5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh thì Công ty cổ phần X1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho A1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 25/9/2025, Viện KSND khu vực F- Bắc Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS-KDTM ngày 25/9/2025 đề nghị TAND tỉnh Bắc

Ninh hủy Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của TAND khu vực 6 – Bắc Ninh để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 24/9/2025, bị đơn Công ty cổ phần X1 do ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo pháp luật kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 24/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N, bà Trần Thị Á1 kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh

Ngày 25/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H5 kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Á1 trình bày: Bà có đầu tư tài chính vào xưởng nhưng phía Công ty X1 chưa hoàn trả lại số tiền này cho bà nên bà kháng cáo đề nghị Công ty chi trả số tiền của bà đã xây dựng trên đất đó. Tuy nhiên đến nay bà xin rút đơn kháng cáo. Việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện.

Bà H5 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A1 trình bày: Đề nghị Tòa xem xét về nội dung xe trộn bê tông do khách hàng đã trả 1 phần nên phía Ngân hàng tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với chiếc xe này. Đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty X1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 20/4/2026 tổng số tiền 39.863.779.072 đồng (trong đó: nợ gốc là 29.326.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 20/4/2026 là: 10.537.095.244 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 7.335.279.719 đồng; lãi quá hạn: 3.201.815.525 đồng)) và chịu lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ 21/4/2026, nếu công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản để thu hồi gốc và lãi cho A1.

Quá trình giải quyết ở giai đoạn phúc thẩm phía bị đơn đã trả được cho Ngân hàng số tiền 1.218.000.000 đồng nên tại phiên tòa phúc thẩm, do vậy Ngân hàng đã rút yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe trộn bê tông BKS 99C-088.16 đồng thời Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh rút một phần kháng nghị liên quan đến nội dung này và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS; Bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không có lý do là chấp hành chưa đúng quy định của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

1. Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần X1 do ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N, bà Trần Thị Á1, chị Trần Thị H5.

2. Căn cứ Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phát mại đối với tài sản thế chấp là xe trộn bê tông Howo, BKS 99C – 088.16: Theo Hợp đồng thế chấp số 2600LCL201600334.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh.

- Căn cứ vào Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 195; Điều 198; Điều 204; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 264; Điều 266 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất;

Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng N2 đối với Công ty cổ phần X1.

- Buộc Công ty cổ phần X1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 38.754.510.243 đồng, trong đó: nợ gốc là 30.711.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 11/9/2025 là: 8.042.826.415 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 5.675.259.524 đồng; lãi quá hạn: 2.367.566.891 đồng). Xác nhận Công ty cổ phần X1 đã cho Ngân hàng N2 số tiền nợ gốc là 1.218.000.000 đồng. Công ty cổ phần X1 còn phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 39.863.779.072 đồng, trong đó: nợ gốc là 29.326.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 20/4/2026 là:

10.537.095.244 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 7.335.279.719 đồng; lãi quá hạn: 3.201.815.525 đồng).

- Công ty cổ phần X1 phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/4/2026 cho đến ngày Công ty trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) cho A1.

- Nếu Công ty cổ phần X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bên bảo đảm để thu hồi nợ; gồm:

* Các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 :

- 01 máy xúc lật nhãn hiệu DTH, Model: DD930E; theo Hóa đơn GTGT số 0000102 ngày 18/05/2016.

- 01 chiếc xe trộn bê tông HOWO, biển kiểm soát 99C-095.76; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018197 do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 17/08/2016

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU PC450-7, biển số 99XA-0170 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 171X/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 14/04/2014.

- 01 trạm trộn bê tông JS 1000 và các bộ phận đi kèm; theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000328 ngày 15/01/2020; Hợp đồng kinh tế số 0912/2019/HĐKT/HT-TL1 ngày 09/12/2019 giữa công ty cổ phần X1 và công ty TNHH MTV T1.

- 01 máy xúc lật SDLG, Model: LG 933L; 01 cầu tháp SCM – C6024; 01 cần trục Zoomlion TC703B-12; theo Giấy tờ về tài sản: Máy xúc lật SDLG: Hợp đồng mua bán số HJ-1905015 ngày 06/05/2019 đã ký giữa công ty TNHH H8 và Công ty CP X1; Hóa đơn GTGT số 0002410 ngày 22/05/2019; Cầu tháp SCM – C6024: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 3105/HĐMB/VT-TL/19 ngày 31/05/2019; hóa đơn GTGT số 0000266 ngày 25/06/2019. Cần trục tháp Zoomlion– TC7030B-12: Hợp đồng mua bán tài sản số 77/HĐMB ngày 8/5/2019 ký giữa Công ty CP X1 và Công ty CP X2; Hóa đơn GTGT số 0002345 ngày 24/05/2019.

- Nhà kho, nhà xưởng trên diện tích 15.595m² tại L, Bắc Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 052176, sổ vào sổ cấp GCN số CS01781/Q01 vào sổ địa chính trang số: 36, quyền số: 4 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2019.

* Tài sản của Hộ ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị H4 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL166567, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01473 do UBND huyện Q cấp ngày 05/11/2007.

* Tài sản của ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH169806, số vào sổ cấp GCN: CS06515 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2017 đứng tên ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5.

* Tài sản của ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ361273, số vào sổ cấp GCN: CS03859 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1.

- 01 xe ô tô Ford Ranger Biển kiểm soát 29C-816-96; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 210516 do Phòng C3 Công an thành phố H cấp ngày 24/06/2016.

* Tài sản của ông Nguyễn Đại M và bà Trần Thị T:

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dung số 323X/XCMD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 12/03/2020.

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dung số 325X/XMCD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 31/03/2020.

* Tài sản của ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC329472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00425 do UBND thành phố B cấp ngày 30/06/2010 cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý bất kỳ tài sản nào đều được sử dụng để thu hồi nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A1.

2.2. Sau khi Công ty cổ phần X1 1 thanh toán hết các khoản nợ cho A1 thì A1 phải trả lại các giấy tờ về quyền tài sản mà Ngân hàng đang giữ cho chủ sở hữu.

2.3. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh thì Công ty cổ phần X1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho A1.

2.4. Về án phí và chi phí tố tụng :

Bị đơn phải nộp **146.755.000** đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

H7 lại cho Ngân hàng N2 số tiền 72.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BLTU/23; Số: 0000887 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6-Bắc Ninh)

Công ty cổ phần X1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001283 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bà Trần Thị Á1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000867 ngày 24/09/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

Bà Trần Thị H5 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 00001038 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Xác nhận Công ty cổ phần X1, bà Trần Thị Á1, bà Trần Thị H5 đã thi hành xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho ông Trần Xuân N1.

Công ty cổ phần X1 phải hoàn lại cho Ngân hàng N2 45.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt những người này là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty cổ phần X1 do ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N, bà Trần Thị Á1, chị Trần Thị H5 kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C, bà H5, ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; bà Á1 tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần X1 do ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N, bà Trần Thị Á1, chị Trần Thị H5.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, không tiến hành xác minh để xem xét đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án, vi phạm Điều 97, 68 Bộ luật **tố** tụng dân sự:

Đối với tài sản thế chấp là xe trộn bê tông Howo, BKS 99C – 088.16: Theo Hợp đồng thế chấp số 2600LCL201600334 hiện không còn, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đại diện Ngân hàng A1 xác nhận ngày 24/02/2026 và ngày 25/3/2026, Công ty X1 đã thực hiện trả một phần nợ (1.218.000.000 đồng) tương ứng với nghĩa vụ của tài sản bảo đảm này nên Ngân hàng đã thực hiện giải chấp tài sản nêu trên theo quy định. Tại phiên toà phúc thẩm Ngân hàng A1 xin rút yêu cầu phát mại đối với tài sản thế chấp là xe trộn bê tông Howo, BKS 99C – 088.16. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh rút kháng nghị đối với nội dung trên là **đảm bảo đúng quy định của pháp luật**. Vì vậy, căn cứ Điều 311 BLTTDS, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Ngân hàng A1.

[4] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát **nhân dân tỉnh Bắc Ninh** về việc Bản án không xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện dẫn đến buộc bị đơn phải trả nợ gốc vượt quá số tiền bị đơn còn nợ và tuyên việc bị đơn phải trả **nợ lãi** tạm tính đến ngày 5/5/2024 (ngày khởi kiện) là không đúng quy định, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa Công ty cổ phần X1 và Ngân hàng N2 - Chi nhánh tỉnh B có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2600LAV202300176 ngày 20/03/2023 có nội dung:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình.
- Thời hạn cho vay tối đa: Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ; Thời hạn cho vay tối đa 9 tháng.

Kèm theo Hợp đồng này là các khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các bất động sản, động sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 và **Hợp đồng thế chấp tài sản của** các hộ gia đình. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí khác phát sinh liên quan của Công ty cổ phần X1

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngay sau khi ký kết hợp đồng bên cho vay là Ngân hàng N2 đã tiến hành giải ngân 17 lần cho Công ty cổ phần X1 với tổng số tiền 34.379.244.936 đồng. Tổng số tiền còn nợ của khoản vay tính đến ngày 05/5/2024 là: 36.397.216.545 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 34.379.244.936đ; Nợ lãi trong hạn: 1.630.020.892đ; Nợ lãi quá hạn: 387.950.717đ.

Do Công ty cổ phần X1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần X1 phải trả số tiền gốc và lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ ngày 20/12/2024 đến ngày 10/7/2025, Công ty cổ phần X1 đã trả được cho

Ngân hàng 3.667.561.108 đồng, còn nợ gốc 30.711.683.283 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần X1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 05/05/2024 là: 36.397.216.545 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng); Trong đó: Nợ gốc: 34.379.244.936 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.630.020.892 đồng; Nợ lãi quá hạn: 387.950.717 đồng là không đúng theo quy định tại các Điều 6, 8, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty cổ phần X1, ảnh hưởng đến nghĩa vụ nộp án phí của đương sự. Trường hợp này, bản án cần buộc bị đơn chịu lãi suất trong hợp đồng tín dụng tính đến ngày tuyên án xét xử sơ thẩm là ngày 11/9/2025. **Do vậy**, Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 06 – Bắc Ninh về nội dung này là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc Công ty cổ phần X1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 38.754.510.243 đồng, trong đó: nợ gốc là 30.711.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 11/9/2025 là: 8.042.826.415 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 5.675.259.524 đồng; lãi quá hạn: 2.367.566.891 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Ngân hàng và Công ty cổ phần X1 đều xác định phía Công ty đã trả tiếp cho nguyên đơn số tiền 1.218.000.000 đồng. **Do đó** tính đến ngày 01/4/2026 chỉ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 39.823.824.076 đồng; Trong đó, gốc: 29.493.683.828 đồng, lãi phải trả: 10.330.140.248 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 7.197.309.722 đồng; lãi quá hạn: 3.132.830.526 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng xác định hiện Công ty cổ phần X1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc chưa trả là 29.326.683.828 đồng. Do đó, Công ty cổ phần X1 còn phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 39.863.779.072 đồng, trong đó: nợ gốc là 29.326.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 20/4/2026 là: 10.537.095.244 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 7.335.279.719 đồng; lãi quá hạn: 3.201.815.525 đồng).

[5] Từ phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 45.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn..

- Về án phí sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định. Cụ thể:

112.000.000 đồng + 0,1% (38.754.510.243 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 146.755.000 đồng.

H7 lại cho Ngân hàng N2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về án phí phúc thẩm: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N, bà Trần Thị Á1, bà Trần Thị H5 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Do ông Nguyễn Xuân N là người cao tuổi nên được miễn án phí kinh doanh thương mại theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần X1 do ông Nguyễn Mạnh C đại diện theo pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N, bà Trần Thị Á1, chị Trần Thị H5.

2. Căn cứ Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh và đình chỉ giải quyết yêu cầu phát mại đối với tài sản thế chấp là xe trộn bê tông Howo, BKS 99C – 088.16: Theo Hợp đồng thế chấp số 2600LCL201600334.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2025/KDTM-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh.

- Căn cứ vào Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 195; Điều 198; Điều 204; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 264; Điều 266 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất;

3.1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2.**

- Buộc Công ty cổ phần X1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 38.754.510.243 đồng, trong đó: nợ gốc là 30.711.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 11/9/2025 là: 8.042.826.415 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 5.675.259.524 đồng; lãi quá hạn: 2.367.566.891 đồng). Xác nhận Công ty cổ phần X1 đã cho Ngân hàng N2 số tiền nợ gốc là 1.218.000.000 đồng. Công ty cổ phần X1 còn phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 39.863.779.072 đồng, trong đó: nợ gốc là 29.326.683.828 đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 20/4/2026 là: 10.537.095.244 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 7.335.279.719 đồng; lãi quá hạn: 3.201.815.525 đồng).

- Công ty cổ phần X1 phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày **21/4/2026** cho đến ngày Công ty trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) cho A1.

- Nếu Công ty cổ phần X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của bên bảo đảm để thu hồi nợ; gồm:

* Các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X1 :

- 01 máy xúc lật nhãn hiệu DTH, Model: DD930E; theo Hóa đơn GTGT số 0000102 ngày 18/05/2016.

- 01 chiếc xe trộn bê tông HOWO, biển kiểm soát 99C-095.76; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018197 do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 17/08/2016

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU PC450-7, biển số 99XA-0170 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 171X/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 14/04/2014.

- 01 trạm trộn bê tông JS 1000 và các bộ phận đi kèm; theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000328 ngày 15/01/2020; Hợp đồng kinh tế số 0912/2019/HĐKT/HT-TL1 ngày 09/12/2019 giữa công ty cổ phần X1 và công ty TNHH MTV T1.

- 01 máy xúc lật SDLG, Model: LG 933L; 01 cầu tháp SCM – C6024; 01 cần trục Zoomlion TC703B-12; theo Giấy tờ về tài sản: Máy xúc lật SDLG: Hợp đồng mua bán số HJ-1905015 ngày 06/05/2019 đã ký giữa công ty TNHH H8 và Công ty CP X1; Hóa đơn GTGT số 0002410 ngày 22/05/2019; Cầu tháp SCM – C6024: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 3105/HĐMB/VT-TL/19 ngày 31/05/2019; hóa đơn GTGT số 0000266 ngày 25/06/2019. Cần trục tháp Zoomlion– TC7030B-12: Hợp đồng mua bán tài sản số 77/HĐMB ngày 8/5/2019 ký giữa Công ty CP X1 và Công ty CP X2; Hóa đơn GTGT số 0002345 ngày 24/05/2019.

- Nhà kho, nhà xưởng trên diện tích 15.595m² tại L, Bắc Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 052176, số vào sổ cấp GCN số CS01781/Q01 vào sổ địa chính trang số: 36, quyền số: 4 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 19/02/2019.

* Tài sản của Hộ ông Nguyễn Văn P và bà Dương Thị H4 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL166567, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01473 do UBND huyện Q cấp ngày 05/11/2007.

* Tài sản của ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH169806, số vào sổ cấp GCN: CS06515 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/01/2017 đứng tên ông Nguyễn Mạnh C và bà Trần Thị H5.

* Tài sản của ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ361273, số vào sổ cấp GCN: CS03859 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim C1.

- 01 xe ô tô Ford Ranger Biển kiểm soát 29C-816-96; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 210516 do Phòng C3 Công an thành phố H cấp ngày 24/06/2016.

* Tài sản của ông Nguyễn Đại M và bà Trần Thị T:

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dung số 323X/XCMD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 12/03/2020.

- 01 máy đào bánh xích KOMATSU; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dung số 325X/XMCD do Sở GTVT tỉnh B cấp ngày 31/03/2020.

* Tài sản của ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC329472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00425 do UBND thành phố B cấp ngày 30/06/2010 cho ông Nguyễn An K và bà Nguyễn Thị L2.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý bất kỳ tài sản nào đều được sử dụng để thu hồi nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A1.

2.2. Sau khi Công ty cổ phần X1 1 thanh toán hết các khoản nợ cho A1 thì A1 phải trả lại các giấy tờ về quyền tài sản mà Ngân hàng đang giữ cho chủ sở hữu.

2.3. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh thì Công ty cổ phần X1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho A1.

2.4. Về án phí và chi phí tố tụng :

Bị đơn phải nộp **146.755.000** đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

H7 lại cho Ngân hàng N2 số tiền 72.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BLTU/23; Số: 0000887 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6-Bắc Ninh)

Công ty cổ phần X1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001283 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bà Trần Thị Á1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000867 ngày 24/09/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

Bà Trần Thị H5 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 00001038 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Xác nhận Công ty cổ phần X1, bà Trần Thị Á1, bà Trần Thị H5 đã thi hành xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho ông Trần Xuân N1.

Công ty cổ phần X1 phải hoàn lại cho Ngân hàng N2 45.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 6-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết

Phạm Thị Minh Hiền

Nguyễn Thị Hương Giang